TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 4 – 2022.
V/v: "*Xin ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Hồng Hạnh; Ông Lê Hoàng Long

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Tưởng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 182/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Ngọc Đ,** sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị U,** sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Đ trình bày:

Nguyên vào năm 1984 ông và Nguyễn Thị U quen biết và tìm hiểu. Đến năm 1985 ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân, đến năm 2003 ông bà đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải, vợ chồng không còn tình cảm nên sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên ông yêu cầu ly hôn với Nguyễn Thị U.

Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986; Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1987; Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1992. Tất cả đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngọc Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bà Nguyễn Thị U vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Ngọc Đ có đơn yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị U nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp xin ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị U đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà U theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị U tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông Nguyễn Ngọc Đ thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải, dần dần tình cảm vợ chồng không còn, ông bà đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Xét thấy hôn nhân giữa ông Nguyễn Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị U đã mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Ngọc Đ.

[3] Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986; Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1987; Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1992. Tất cả đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của ông Nguyễn Ngọc Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điiều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Đ.

2. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc Đ ly hôn bà Nguyễn Thị U.

3. Về con chung: Ông bà có 04 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986; Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1987; Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1992. Tất cả đã trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của ông Nguyễn Ngọc Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Ngọc Đ đã nộp theo biên lai thu số 0005186 ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ thành án phí nên ông Đ không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Nguyễn Minh Trí

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.